

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 19 - 8 - 2021
V/v: Ly hôn, nuôi con chung
giữa anh K và chị N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Dụ;

Bà Vũ Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Thông báo xét xử vụ án số 25/2021/TBXXST – HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Trần Duy K, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

-Bị đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Anh K và chị N đều vắng mặt, anh Kiên có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 4 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Duy K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định vào ngày 17/6/2003.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đôi bên gia đình đã động viên khuyên giải để nhằm hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả. Khoảng tháng 5 năm 2020 chị N đã bỏ nhà đi làm ăn không nói cho anh làm ăn ở đâu, nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà thăm nom con, vợ chồng không quan tâm đến nhau và sống ly thân. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nên nguyện vọng của anh được xin ly hôn chị Bùi Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Trần Tiến T, sinh ngày 28/3/2004 và Trần Ngân K, sinh ngày 13/12/2014; hiện 02 con đang ở với anh. Khi ly hôn anh xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con; hiện anh đang làm nghề tự do mức thu nhập bình quân khoảng 7 triệu đồng/tháng.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các giấy báo cho chị N về nơi đăng ký hộ khẩu ở xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định cũng như trực tiếp điện thoại cho chị N để biết về việc anh Trần Duy K có đơn khởi kiện xin ly hôn chị, đề chị N có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nhưng chị N không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành làm thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với chị Bùi Thị N theo quy định của pháp luật.

Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương như sau: Về quan hệ hôn nhân, con chung, diễn biến cuộc sống vợ chồng như anh Trần Duy K trình bày là đúng. Về con chung: Anh K và chị N có hai con chung là Trần Tiến Tài, sinh ngày 28/3/2004 và Trần Ngân K, sinh ngày 13/12/2014; hiện 02 con đang ở với anh K, anh K có nguyện vọng nuôi cả hai con khi ly hôn và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Anh K trình bày là không yêu cầu Tòa án xem xét là phù hợp. Căn cứ vào tình trạng hôn nhân mâu thuẫn giữa anh K và chị N, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết cho anh Trần Duy K được ly hôn chị Bùi Thị N. Về con chung: Giao cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và chị N không phải cấp dưỡng nuôi 02 con là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Duy K đối với chị Bùi Thị N. Về con chung; Giao cho anh Trần Duy K tiếp tục

trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con Trần Tiến T, sinh ngày 28/3/2004 và Trần Ngân K, sinh ngày 13/12/2014; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản: Anh K không yêu cầu Tòa án xem xét là phù hợp. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Duy K và chị Bùi Thị N là hợp pháp, được xác lập từ ngày 17/6/2003. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Bản thân chị Bùi Thị N đã được Tòa án gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, trực tiếp điện thoại cũng như Tòa án đã làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị Năm theo quy định của pháp luật nhưng bản thân chị N không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Điều đó chứng tỏ chị N cũng không thiết tha mặt mà với cuộc sống chung của vợ chồng, mặt khác từ tháng 5 năm 2020 đến nay anh K và chị N đã sống ly thân. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nay anh Trần Duy K xin ly hôn chị Bùi Thị N được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa anh Trần Duy K và chị Bùi Thị N.

[3] Về con chung: Anh K và chị Năm có hai con chung là Trần Tiến T, sinh ngày 28/3/2004 và Trần Ngân K, sinh ngày 13/12/2014; hiện hai con đang ở với anh K. Khi ly hôn anh K nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng. Xét thấy hai con đang ở với anh K cũng như nguyện vọng của cháu T xin được với anh K khi bố mẹ ly hôn, để ổn định của cuộc sống cho hai cháu không bị ảnh hưởng về tâm lý cũng như sáo trộn cuộc sống nên HĐXX sẽ giao cho anh K tiếp nuôi dưỡng 02 con và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81,82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Duy K phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Trần Duy K và chị Bùi Thị N.

2. Về con chung: Giao anh Trần Duy K tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con Trần Tiến T, sinh ngày 28/3/2004 và Trần Ngân K, sinh ngày 13/12/2014; Chị Bùi Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Duy K phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002036 ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường. Anh K đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã X
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Ngọc Long

